

Bản án số: 61/2017/HSST
Ngày 29/12/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông **Tạ Hồng Tuấn**
- *Các hội thẩm nhân dân:* + Ông **Cao Thanh Hải**
+ Bà **Vương Thị Thu**
- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Bà **Bùi Thị Duyên** - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba tham gia phiên toà:* Ông **Nguyễn Khắc Bằng** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 63/2017/HSST, ngày 08/12/2017 đối với bị cáo;

Họ và tên: **Dương Văn T** - Sinh ngày 12/3/1986

Tên gọi khác; không

Nơi ĐKKHKT; khu 3, xã N, huyện T, tỉnh P

Nghề nghiệp; lao động tự do . Trình độ văn hoá; lớp 4/12.

Con ông Dương Văn V và bà Trần Thị O

Có vợ đã ly hôn là Triệu Thị C. Có 01 con sinh năm 2008

Có 02 tiền án: - Bản án số 241/HSST ngày 19/8/2009, Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P xử phạt 16 tháng tù, được trừ 01 tháng 21 ngày đã bị tạm giữ, tạm giam, còn phải chấp hành 14 tháng 09 ngày nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 28 tháng 18 ngày, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Bản án số 03/2013/HSST ngày 23/01/2013, Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Y xử phạt 03 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/8/2015 nhưng chưa chấp hành xong về nghĩa vụ dân sự và án phí.

Tiền sự; không

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/10/2017. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T (có mặt tại phiên toà).

* **Người bị hại:**

1. Vợ chồng anh **Nguyễn Văn L** - Sinh năm 19981 và chị **Hoàng Thị Ngọc M** - Sinh năm 1987 (đều có mặt)

Đều trú tại: Khu 3, xã N, huyện T, tỉnh P

2. Chị **Lưu Thị Thanh M** - Sinh năm 1995

Trú tại: Khu 7, xã L, huyện P, tỉnh P (vắng mặt).

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Anh **Nguyễn Quý T** - Sinh năm 1971

Trú tại: Khu 2, xã T, huyện P, tỉnh P (vắng mặt).

NHẬN THẤY:

Bị cáo Dương Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba truy tố về hành vi phạm tội như sau: Vào khoảng 15 giờ ngày 21/9/2017, Dương Văn T, trú tại khu 3 xã N, huyện T đi bộ từ nhà ra đường liên xã Đ đi N. Khi đi qua nhà chị Phạm Thị P ở cùng khu phát hiện thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 19K9-xxxx của chị Hoàng Thị Ngọc M cũng ở cùng khu, xe dựng ở sân vẫn cầm chìa khóa ở ổ khóa điện nên T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe cầm cố lấy tiền mua ma túy sử dụng cho bản thân. T đi vào sân nhà chị P gọi tên chồng chị P: "Anh N ơi", thấy không có tiếng trả lời và quan sát xung quanh không có ai. T quay đầu xe rồi ngồi lên dùng chân trái đẩy xe trôi ra cổng được khoảng 10-15m thì nổ máy điều khiển xe đi đến cửa hàng kinh doanh cầm đồ của anh Nguyễn Quý T ở khu 2 xã T, huyện P. Tại đây, T nói dối tên mình là Nguyễn Văn L ở khu 3 xã N để phù hợp với giấy tờ của xe lấy được trong cốp xe. Anh T yêu cầu T viết giấy vay nợ. T đã viết giấy vay nợ mang tên Nguyễn Văn L với số tiền vay là 1.500.000.đ. Có được tiền T đi lên ngã ba C, huyện Đ mua ma túy của một người tên là H để sử dụng cho bản thân và tiêu sài cá nhân hết.

Ngày 21/9/2017, Cơ quan điều tra đã thu giữ tại nhà Nguyễn Quý T gồm: 01 giấy vay nợ mang tên người vay Nguyễn Văn L với số tiền 1.500.000.đ; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 19K9-xxxx; 01 giấy bảo hiểm xe mô tô biển số 19K9-xxxx; 01 đăng ký xe mô tô biển số 19K9-xxxx; 01 đăng ký xe mô tô biển số 19H8-xxxx; 01 giấy phép lái xe đều mang tên Nguyễn Văn L ở khu 3 xã N; 01 giấy phép lái xe mang tên Hoàng Thị Ngọc M.

Ngày 03/10/2017, Hội đồng định giá tài sản huyện T định giá và kết luận: Chiếc xe mô tô bị trộm cắp có trị giá là **6.000.000.đ**.

Theo báo cáo của chị Hoàng Thị Ngọc M, chiếc xe mô tô bị T trộm cắp của là tài sản của gia đình chị, đăng ký xe mang tên chồng chị là Nguyễn Văn L. Ngày 18/10/2017, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô trên và toàn bộ giấy tờ cho chị M. Chị M không yêu cầu Dương Văn T phải bồi thường.

Đối với Nguyễn Quý T là người đã nhận cầm cố chiếc xe do T trộm cắp, anh T có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngành nghề cầm đồ và không biết

tài sản do trộm cắp mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T chỉ nhắc nhở, rút kinh nghiệm.

Đối với người có tên là H đã bán trái phép chất ma túy cho T ngày 21/9/2017. Quá trình xác minh chưa xác định được, nên Cơ quan điều tra tách ra tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

Ngoài vụ trộm cắp xe mô tô nêu trên, Dương Văn T còn trộm cắp 01 chiếc điện thoại tại xã L, huyện P cụ thể: Khoảng 16 giờ ngày 12/10/2017, Dương Văn T cùng với một người tên là H (chưa rõ lai lịch) ở xã S, huyện Đ đi bộ và đi nhờ xe của người đi đường hướng về xã P, huyện P. Khi đến đoạn đường trước cửa quầy bán thuốc tân dược của chị Nguyễn Thị T ở khu 7 xã L, huyện P thì T đứng ngoài chờ H vào mua thuốc. Lúc này T phát hiện thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển số 19P1-xxxxxx đang dừng ở lề đường phía phải theo hướng xã L đi xã P. Tại hộc để đồ dùng ở yếm xe phía trước bên trái có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung DUOS GT-S7392, vỏ màu trắng, ốp lưng màu xanh, T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại. Quan sát xung quanh không thấy có ai, T đi lại gần ngồi dựa lên yên xe, trộm cắp chiếc điện thoại để vào túi quần phía trước bên trái của mình. Khi H từ trong hiệu thuốc đi ra thì hai người tiếp tục đi bộ về hướng xã P. Việc trộm cắp điện thoại của T bị quần chúng nhân dân phát hiện nên báo cáo với Công an xã L cùng đồn đuổi bắt. Do sợ bị phát hiện nên T đã vứt chiếc điện thoại vừa trộm cắp được vào bụi cây ven đường phía bên phải theo hướng đi. Sau đó mọi người yêu cầu T về Trụ sở Ủy ban nhân dân xã L để làm việc, còn H bỏ chạy thoát.

Công an huyện P tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính đối với T và thu giữ được chiếc điện thoại do T trộm cắp. Quá trình xác minh xác định chiếc điện thoại là của chị Lưu Thị Thanh M, trú tại khu 7 xã L, huyện P.

Ngày 17/10/2017, Hội đồng định giá tài sản huyện P xác định trị giá chiếc điện thoại bị chiếm đoạt là **400.000.đ**. Ngày 26/10/2017, Cơ quan điều tra Công an huyện P đã trả lại chiếc điện thoại cho chị M, chị M không yêu cầu phải bồi thường.

Đối với đối tượng có tên là H, quá trình điều tra xác minh tại xã S, huyện Đ theo lời khai của T chưa xác định được là ai, ở đâu.

Tại cơ quan điều tra Dương Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 01/KSĐT-TA ngày 06/12/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba truy tố Dương Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự và tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như bản cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46 và điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999 : Xử phạt bị cáo Dương Văn T từ **42 đến 48** tháng tù

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, đề nghị xác nhận việc trả lại tài sản của Cơ quan Cảnh sát điều tra và buộc bị cáo phải hoàn trả cho anh Nguyễn Quý T số tiền 1.500.000.đ.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Tại phiên toà, bị cáo Dương Văn T đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như sau: Vào chiều ngày 21/9/2017, khi đi bộ qua nhà chị Phạm Thị P thuộc khu 3, xã N, huyện T phát hiện có 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha biển số 19K9-xxxx đang dựng trong sân, xe vẫn cắm chìa khóa điện (là xe của vợ chồng anh Nguyễn Văn L và chị Hoàng Thị Ngọc M) nên đã nảy sinh ý định trộm cắp. Quan sát thấy không có người nên bị cáo T đi vào trong sân quay đầu xe, đẩy xe ra cổng rồi nổ máy điều khiển xe đi đến cửa hàng cầm đồ của anh Nguyễn Quý T ở khu 2 xã T, huyện P cầm cố xe mô tô cùng toàn bộ giấy tờ trong cốp xe và viết giấy vay nợ đứng tên chủ xe là Nguyễn Văn L vay số tiền 1.500.000.đ. Toàn bộ số tiền vay được bị cáo đã sử dụng cá nhân hết. Theo kết quả định giá tài sản thì chiếc xe mô tô có trị giá là **6.000.000.đ**.

Ngoài việc trộm cắp chiếc xe mô tô trên thì vào chiều ngày 12/10/2017, bị cáo Dương Văn T đi cùng một người tên H, khi đến quầy bán thuốc tân dược của chị Nguyễn Thị T thuộc khu 7, xã L, huyện P, H vào mua thuốc, bị cáo đứng ngoài chờ thì phát hiện có 01 xe mô tô Honda Vision biển số 19P1-xxxxx đang dựng lề đường, tại hộc để đồ yếm trước của xe có 01 chiếc điện thoại di động Samsung của chị Lưu Thị Thanh M. Quan sát thấy không có người, bị cáo đã đi đến chiếc xe rồi lén lút lấy chiếc điện thoại đút vào túi quần. Sau khi lấy được chiếc điện thoại thì bị người dân phát hiện dồn đuổi nên đã ném chiếc điện thoại vào bụi cây ven đường nhưng sau đó đã bị bắt đưa về trụ sở Ủy ban nhân dân xã L làm việc, Cơ quan điều tra công an huyện P tiến hành lập biên bản vi phạm, xử lý theo quy định sau đó chuyển hồ sơ cho Cơ quan điều tra Công an huyện Thanh Ba giải quyết theo thẩm quyền. Trị giá chiếc điện thoại di động mà bị cáo đã chiếm đoạt là **400.000.đ**.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, người liên quan và lời khai của người làm chứng, phù hợp với biên bản xác định hiện trường và vật chứng đã thu giữ, cũng hoàn toàn phù hợp với lời khai của chính bị cáo tại Cơ quan điều tra cùng những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ

sơ vụ án. Như vậy, với hành vi lén lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô và chiếc điện thoại di động có giá trị như đã nêu trên thì bị cáo Dương Văn T phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “*Trộm cắp tài sản*” là hoàn toàn có căn cứ. Bản thân bị cáo Dương Văn T đã hai lần bị kết án đều về tội “*Trộm cắp tài sản*” vẫn chưa được xóa án tích vì vậy lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp “*Tái phạm nguy hiểm*”. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo Dương Văn T theo quy định tại khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự cũng như lời luận tội và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Điều luật quy định

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

.....;

c) Tái phạm nguy hiểm”

Tội phạm mà bị cáo thực hiện là nghiêm trọng với lỗi cố ý, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bản thân bị cáo đã hai lần bị kết án đều về tội “*Trộm cắp tài sản*” vẫn chưa được xóa án tích nhưng lại không lấy đó làm bài học để cải tạo tu dưỡng thành người lương thiện mà do lười lao động, luôn muốn chiếm đoạt tài sản của người khác để thỏa mãn nhu cầu cá nhân nên lại tiếp tục phạm tội, chính tỏ bị cáo là người khó cải tạo, coi thường pháp luật vì vậy lần phạm tội này phải quyết định hình phạt nghiêm khắc mới đủ răn đe, giáo dục bị cáo và cũng là để làm gương đối với kẻ khác.

Về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Mặc dù bị cáo có hai tiền án nhưng đã là tình tiết định khung hình phạt nên không bị coi là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong vụ án này, bị cáo đã hai lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, mặc dù hành vi trộm cắp chiếc điện thoại di động có giá trị dưới hai triệu đồng nhưng do bị cáo đã có 02 tiền án nên hành vi này cũng đã cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” vì vậy bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*phạm tội nhiều lần*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, cũng có xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự vì trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình nhưng vẫn phải quyết định hình phạt tù mới có tác dụng cải tạo bị cáo trở thành một công dân tốt.

- Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 138 của Bộ luật hình sự thì bị cáo còn có thể bị phạt một khoản tiền để sung công quỹ Nhà nước nhưng do bị cáo không có tài sản riêng nên không áp dụng.

- Về dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại nên không đặt ra xem xét.

- Tại phiên tòa, bị cáo Dương Văn T cũng chấp nhận sẽ có trách nhiệm trả cho anh Nguyễn Quý T số tiền đã vay là 1.500.000.đ đúng như yêu cầu của anh T vì vậy buộc bị cáo phải có nghĩa vụ trả cho anh T khoản tiền trên.

- Về việc trả lại tài sản của của Cơ quan điều tra: Quá trình điều tra, sau khi xác định rõ nguồn gốc tài sản, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Ba và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Ninh đã trả lại cho người bị hại toàn bộ các tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt. Xét việc trả lại tài sản này là đúng pháp luật nên được xác nhận.

Về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm tiền án phí dân sự trong vụ án hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Dương Văn T** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46 và điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999: Phạt **Dương Văn T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 17/10/2017.

- Áp dụng khoản 2 Điều 41; khoản 1 Điều 42 của Bộ luật hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Xác nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Ba đã trả lại cho người bị hại là vợ chồng anh Nguyễn Văn L, chị Hoàng Thị Ngọc M (do chị M trực tiếp nhận) những tài sản sau là hợp pháp: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha màu đỏ, biển số 19K9-xxxx (đã cũ); 01 đăng ký xe mô tô số 00xxxxx mang tên Nguyễn Văn Lâm; 01 đăng ký xe mô tô số 003xxxxx mang tên Nguyễn Văn L; 01 giấy phép lái xe hạng A1 số 036xxxxx mang tên Nguyễn Văn L; 01 giấy phép lái xe hạng A1 số 25114800xxxx mang tên Hoàng Thị Ngọc M; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của xe mô tô số 16005xxxx/XMBB6 (*biên bản trả tài sản ngày 18/10/2017 có lưu trong hồ sơ vụ án*)

+ Xác nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Ninh đã trả lại cho người bị hại là chị Lưu Thị T M 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamSung DUOS GT-S7xxx vỏ màu trắng, ốp lưng màu xanh số Imei 35230206194xxxx là hợp pháp (*biên bản trả tài sản ngày 26/10/2017 có lưu trong hồ sơ vụ án*).

+ Buộc bị cáo Dương Văn T phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho anh Nguyễn Quý T số tiền 1.500.000.đ (một triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị cáo Dương Văn T phải nộp 200.000.đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000.đ tiền án phí dân sự trong vụ án hình sự, tổng là 500.000.đ (năm trăm nghìn đồng) tiền án phí.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, người bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh, huyện;
- Công an huyện;
- Thi hành án hình sự, dân sự;
- UBND xã N;
- Bị cáo;
- Người bị hại, người liên quan;
- Lưu hồ sơ, án văn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

T¹ Hằng Tuân